

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 11 năm 2018

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG	
ĐẾN	Số: 11539
	Ngày: 20/11/2018
	Chuyển:
	Lưu hồ sơ số:

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2018 tại Sở Giao thông vận tải

Căn cứ Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thực hiện cải cách hành chính năm 2018,

Sở Giao thông vận tải báo cáo kết quả tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2018 tại cơ quan như sau:

I. Tình hình tổ chức thực hiện văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại các kế hoạch, chương trình, đề án về CCHC của tỉnh:

a. Nhiệm vụ được giao:

Theo kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 12/02/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng về tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng năm 2018 giao Sở Giao thông vận tải phối hợp với Sở thông tin và truyền thông tuyên truyền về Sóc Trăng triển khai giải pháp xây dựng “công dân điện tử” thông qua việc tổ chức hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 trong thủ tục Cấp đổi giấy phép lái xe.

b. Tiến độ đạt được:

Theo thông báo số 10/TB-STTTT ngày 25/4/2018 của Sở Thông tin và Truyền thông, Ngày 07/5/2018 và ngày 10/5/2018 Sở Giao thông vận tải đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Trường Cao đẳng Sư phạm, Trường cao đẳng Nghề, Trường Cao đẳng Cộng đồng tuyên truyền về cải cách hành chính và dịch vụ công của tỉnh Sóc Trăng, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3,4 thủ tục cấp đổi giấy phép lái xe. Kết quả đạt 100% kế hoạch đề ra.

2. Tình hình tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo điều hành CCHC:

3. Tình hình ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC triển khai tại đơn vị:

3.1. Kế hoạch cải cách hành chính

Căn cứ Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thực hiện cải cách hành chính năm 2018, Sở Giao thông vận tải đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-SGTVT ngày 25/01/2018 về thực

hiện cải cách hành chính năm 2018 trong đó xác định 07 nhiệm vụ chung, 26 nhiệm vụ cụ thể.

Tính đến thời điểm báo cáo, Sở Giao thông vận tải đã triển khai thực hiện được 25/26 nhiệm vụ cụ thể theo kế hoạch, đạt tỷ lệ 96,15% (Do nhiệm vụ triển khai đánh giá và phân loại công chức, viên chức chưa đến thời gian thực hiện).

(Đính kèm phụ lục)

3.2. Công tác kiểm tra CCHC

Sở Giao thông vận tải đã ban hành kế hoạch số 11/KH-SGTVT ngày 08/2/2018 về việc kiểm tra công tác CCHC năm 2018. Theo thông báo số 01/TB-TKTr ngày 28/6/2018 của Tổ kiểm tra CCHC được thành lập theo Quyết định số 28/QĐ-SGTVT ngày 11/6/2018 của Giám đốc Sở Giao thông vận tải về việc thành lập Tổ kiểm tra công tác cải cách hành chính Sở Giao thông vận tải năm 2018, công tác kiểm tra Cải cách hành chính được tiến hành tại 04 Phòng, Ban của Sở (tỷ lệ % đơn vị được kiểm tra là 50%), được tiến hành vào các ngày 30,31 tháng 8 năm 2018 và ngày 06,07 tháng 9 năm 2018. Tỷ lệ kiểm tra theo Kế hoạch số 11/KH-SGTVT ngày 08/2/2018 đạt 100%.

3.3. Kế hoạch tuyên truyền CCHC:

Sở Giao thông vận tải đã xây dựng Kế hoạch số 14/KH-SGTVT ngày 01/3/2018 về thực hiện tuyên truyền CCHC năm 2018 với 9 nội dung, đến nay Sở Giao thông vận tải đã thực hiện được 9/9 nội dung đạt tỷ lệ 100% Kế hoạch đề ra.

Tuyên truyền bằng các hình thức phát tờ bướm, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở, trên cổng thông tin điện tử một cửa...

3.4. Tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Công tác chỉ đạo, điều hành về công tác cải cách hành chính luôn được Lãnh đạo Sở quan tâm và chỉ đạo có hiệu quả, toàn diện, Giám đốc Sở là người phụ trách công tác cải cách hành chính, Chánh Văn phòng tham mưu giúp việc cho Lãnh đạo Sở thực hiện công tác cải cách hành chính tại đơn vị.

Đầu năm 2018 Sở Giao thông vận tải đã xây dựng kế hoạch số 04/KH-SGTVT ngày 09/01/2018 về phát động thi đua năm 2018, nội dung kế hoạch thi đua gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2018.

Sự quyết tâm của lãnh đạo trong chỉ đạo điều hành CCHC được thể hiện trong các cuộc họp giao ban hàng tháng lãnh đạo sở luôn đôn đốc nhắc nhở việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC, ngoài ra đầu năm 2018 Giám đốc Sở ban hành công văn số 160/SGTVT-VP ngày 31/01/2018 về việc triển khai thực hiện kế hoạch thực hiện cải cách hành chính năm 2018. Để thực hiện mục tiêu của Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng “Năm siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính” Giám đốc Sở đã ban hành công văn số 990/SGTVT-VP ngày 23/7/2018 về việc tăng cường triển khai thực hiện chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Kết quả triển khai giải pháp, cách làm hay trong thực hiện CCHC

Năm 2018 Sở Giao thông vận tải đã thực hiện mô hình một cửa thân thiện với hình thức như sau: Sở Giao thông vận tải đã bố trí bàn tiếp khách kết hợp với ghế ngồi tạo tâm lý thoải mái cho người dân khi đến chờ giải quyết TTHC, đồng thời để từng bước cho người dân làm quen với giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 nhằm hướng tới mục tiêu của Tỉnh xây dựng “công dân điện tử” Sở Giao thông vận tải cử công chức tiếp dân phối hợp với nhân viên bưu điện tại bộ phận một cửa sẽ trực tiếp hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 và qua dịch vụ bưu chính công ích.

Kết quả đạt được như sau: Năm 2018 Sở Giao thông vận tải đã nhận và giải quyết được 1.445 hồ sơ giải quyết TTHC qua mạng và dịch vụ bưu chính công ích.

II. Kết quả chủ yếu đạt được

1. Đối với báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh

2. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại Sở Giao thông vận tải

2.1 Báo cáo thông tin

ST T	Nội dung	Họ tên	Chức vụ	Email/điện thoại
1	Lãnh đạo phụ trách CCHC	Trần Quốc Thống	Giám đốc	quocthonggtvt@gmail.com
2	Công chức phụ trách tham mưu CCHC	Kiều Ngọc Trí	Chánh Văn phòng	kntri@soctrang.gov.vn
3	Công chức phụ trách tham mưu CNTT	Hồ Minh Đăng	Nhân viên	hmdang@soctrang.gov.vn
4	Công chức phụ trách Bộ phận một cửa	Kiều Ngọc Trí	Chánh Văn phòng	kntri@soctrang.gov.vn

2.2 Kết quả nổi bật đạt được trong triển khai 06 nhiệm vụ cải cách hành chính và các nhiệm vụ khác

(Kèm biểu báo cáo 1B, 2B, 3B, 4B, 5B, 6B, 7B, 8B, 9B, 10B, 11B, 13B và 14)

III. Những khó khăn, vướng mắc

Mặc dù, công tác CCHC tại Sở Giao thông vận tải trong năm qua đã có nhiều chuyển biến tích cực, điểm chỉ số CCHC tại Sở được cải thiện, nhận thức của đội ngũ công chức, viên chức về công tác cải cách hành chính không ngừng được nâng lên. Tuy nhiên qua quá trình thực hiện công tác CCHC tại Sở Giao thông vận tải nhận thấy vẫn còn một số tồn tại bất cập như: hiện nay chưa đưa ra quy định cụ thể cơ chế chính sách phụ cấp cho công chức phụ trách công tác CCHC, trong khi nhiệm vụ, trách nhiệm rất nặng nề. Việc phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến công tác CCHC của công chức, viên chức cơ quan từng lúc còn bị động, chưa phát huy hết tài lực, trí lực dành cho công tác CCHC.

IV. Kiến nghị, đề xuất

Tỉnh ủy, UBND tỉnh cần đưa ra các quy định cụ thể về chế độ, chính sách phụ cấp cho đội ngũ công chức, viên chức làm công tác CCHC, gắn trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ với công tác CCHC, kịp thời khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong công tác CCHC, tuyên truyền nhân rộng điển hình cách làm đạt kết quả cao trong công tác CCHC.

Mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng về công tác CCHC, chú trọng các nội dung mới, bám sát thực tiễn của địa phương và thời gian phải hợp lý. Tạo điều kiện cho công chức làm công tác CCHC được tham quan, giao lưu học tập kinh nghiệm các địa phương thực hiện tốt công tác CCHC.

V. Phương hướng.

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính trong thời gian tới, Sở Giao thông vận tải đề ra phương hướng, nhiệm vụ như sau:

1. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Trung ương.
2. Tiếp tục thực hiện các nội dung đề ra trong Kế hoạch CCHC năm 2018 để hoàn thành nhiệm vụ đúng quy định.
3. Tuyên truyền phổ biến các văn bản hướng dẫn, kế hoạch về công tác cải cách hành chính tại đơn vị.
4. Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch tuyên truyền và kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính.
5. Tiếp tục củng cố, kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo cơ chế một cửa.
6. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ CCVC.
7. Thực hiện quản lý biên chế theo đúng quy định.
8. Thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo các Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.


9. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại đơn vị.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2018 của Sở Giao thông vận tải. *lu*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Trần Quốc Thống



**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
NĂM 2018**

Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Ghi chú
Cải cách thể chế	1. Ban hành và triển khai kịp thời kế hoạch rà soát hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND các cấp ban hành	- Kế hoạch số 05/KH-SGTVT-PC ngày 15/01/2018	
	2. Đăng ký, tổ chức xây dựng và trình ban hành văn bản QPPL đúng quy trình (nếu có)	Tham mưu UBND tỉnh ban hành 03 VB QPPL: Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 29/5/2018; Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018; Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 13/8/2018	
	3. Tổ chức thực hiện văn bản QPPL do UBND, HĐND tỉnh ban hành và theo chỉ đạo của UBND tỉnh.	Công khai 03 VB QPPL trên qua các cuộc họp giao ban, ngày pháp luật của Sở và trên công thông tin của Sở	
Cải cách TTHC	1. Xây dựng Kế hoạch Kiểm soát, rà soát TTHC năm 2018	Đã xây dựng kế hoạch: số 01/KH-SGTVT ngày 04/01/2018; số 02/KH-SGTVT ngày 04/01/2018	
	2. Thực hiện Kế hoạch Kiểm soát, rà soát thủ tục hành chính năm 2018	Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 17/5/2018; Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 17/5/2018; Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 17/8/2018; Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 04/10/2018	
	3. Tăng cường trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị trong thực hiện cải cách TTHC	Công văn số 160/SGTVT-VP ngày 31/01/2018. Trong các cuộc họp gian ban	

	4. Triển khai nhận gửi hồ sơ tại địa chỉ của tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện TTHC và trả kết quả qua dịch vụ chuyển phát các loại hồ sơ giấy	Thỏa thuận hợp tác cung ứng dịch vụ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.	
Cải cách tổ chức bộ máy	1. Tiếp tục rà soát đề án vị trí việc làm của cơ quan theo yêu cầu của Sở Nội vụ (nếu có)	Đề án 1267/ĐA-SGTVT ngày 26/9/2018 về việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Sở Giao thông vận tải	
	2. Xây dựng cơ cấu công chức; sắp xếp, bố trí cho phù hợp với khả năng chuyên môn, đạo đức, tác phong của từng công chức và đúng vị trí việc làm.	Đề án 1267/ĐA-SGTVT ngày 26/9/2018 về việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Sở Giao thông vận tải	
	3. Triển khai thực hiện cơ chế một cửa điện tử.	Tại website một cửa điện tử Sở SGTVT http://motcua.sogtvt.soc TRANG.gov.vn .	
Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	1. Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CCVC năm 2018	Công văn số 1641/SGTVT-VP ngày 28/11/2017	
	2. Tiếp tục triển khai đánh giá và phân loại CCVC theo Nghị định 56/2015/NĐ-CP và Nghị định 88/2017/NĐ-CP		Chưa tới thời gian thực hiện
	3. Cử công chức tham dự tập huấn và triển khai phần mềm quản lý công chức, viên chức (nếu có).	Danh sách tham dự	
Cải cách tài chính công	1. Tiếp tục thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 130/2005/NĐ-	Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ Quyết định số 02/QĐ-SGTVT ngày 19/01/2018	

Cải cách tài chính công	CP.		
	2. Tiếp tục thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ có hiệu quả để chi tăng thu nhập cho công chức và người lao động của Sở Giao thông vận tải	Việc chia tăng thu nhập của Sở được tiến hành hàng quý	
	3. Kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.	Ban điều hành bến xe khách Sóc Trăng là đơn vị sự nghiệp tự chủ hoàn toàn theo QĐ 656/QĐ-UBND ngày 17/3/2016	
	4. Công khai việc thu phí, lệ phí.	Đã công khai việc thực hiện thu phí, lệ phí Quý I, II và III/2018 trên cổng thông tin điện tử của Sở.	
Hiện đại hóa nền hành chính	1. Ban hành và triển khai Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan năm 2018	Kế hoạch số 13/KH-SGTVT ngày 26/2/2018	
	2. Triển khai áp dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành.	Từ ngày 01/01/2018 Sở sử dụng phần mềm văn phòng điện tử (VNPT-iOffice) đã tiếp nhận 1291 văn bản đến, chưa thực hiện phát hành văn bản đi.	
	3. Cung cấp các thủ tục hành chính ở mức độ 3, 4 đối với nhóm thủ tục hành chính cấp đổi giấy phép lái xe	Đến thời điểm hiện tại đã cung cấp 01 TTHC ở mức độ 3 và 14 TTHC ở mức độ 4	
	4. Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001	Kế hoạch số 09/KH-SGTVT ngày 08/02/2018	
Công tác chỉ đạo điều hành	1. Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018.	- Kế hoạch số 08/KH-SGTVT ngày 25/01/2018 - Báo cáo số 251/BC-SGTVT ngày 27/2/2018	
	2. Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2018.	- Kế hoạch số 14/KH-SGTVT ngày 01/3/2018 - Tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tại trường Cao Đẳng Sư Phạm, ...	

	3. Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2018.	- Kế hoạch số 11/KH-SGTVT ngày 08/2/2018	
	4. Cử công chức tập huấn và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về cải cách hành chính, một cửa (nếu có).	Danh sách công chức tham dự	
	5. Lấy ý kiến khách hàng (Doanh nghiệp, sở ngành) về thực hiện các TTHC tại sở	- Đã lấy ý kiến 94 khách hàng	

Ghi chú: Thực hiện 25/26 nhiệm vụ đề ra, đạt 96,15%.

Biểu mẫu 1B

Thông kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính Sở Giao thông vận tải năm 2018



STT	Nội dung thống kê	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	Đơn vị trực thuộc/UBND cấp xã			
1	Kiểm tra công tác CCHC	4/8		2	2	0
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước	11		0	0	0
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2008	4		0	0	0
4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính	2		2	2	0
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật,...)	0		0	0	0

- Ghi chú:**
1. Kiểm tra công tác CCHC Sở GTVT đã kiểm tra 4/8 Phòng, Ban thuộc đơn vị, các phòng được kiểm tra hầu hết đều thực hiện tốt 06 nhiệm vụ CCHC và các nhiệm vụ khác được phân công, tuy nhiên còn 02 phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông và Quản lý vận tải Phương tiện và người lái còn hạn chế trong quá trình xử lý hồ sơ trên cổng thông tin điện tử một cửa cũ Sở. (Đính kèm thông báo kiểm tra, biên bản kiểm tra, công văn khắc phục hạn chế của phòng (02 bản), Thông báo kết luận của đoàn kiểm tra).
 2. Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước: Tiến hành kiểm tra 11 Phòng Quản lý kinh tế hạ tầng ác huyện và Phòng Quản lý đô thị các thị xã, thành phố (Đính kèm Kế hoạch kiểm tra, biên bản làm việc) về công tác quản lý giao thông vận tải.
 3. Kiểm tra thực hiện việc áp dụng HTQLCL theo TCQG ISO 9001:2008 Sở đánh giá nội bộ 4/8 phòng ban
 4. Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính: Năm 2018 tiến hành kiểm tra 02 đơn vị kinh doanh vận tải Công ty TNHH MTV Phước Hùng Thịnh Phát và Công ty Cổ phần tập đoàn Taxi Mai Linh chi nhánh Sóc Trăng (Đính kèm Kế hoạch, Biên bản làm việc báo cáo khắc phục và kết luận của đoàn Thanh tra)



Biểu mẫu 2B

Thống kê số liệu về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh

STT	Nội dung thống kê	Tổng số	Ghi chú
1	Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND		
-	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo	4	Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 22/01/2018; Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 29/5/2018; Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018; Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 13/8/2018
-	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra	4	Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 22/01/2018; Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 29/5/2018; Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018; Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 13/8/2018
-	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	4	Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 22/01/2018; Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 29/5/2018; Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018; Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 13/8/2018
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền	5	Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 22/3/2017; Quyết định số 35/2017/QĐ-UBND ngày 20/10/2017; Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017; Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 22/01/2018; Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 29/5/2018;
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật	0	
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý	0	
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo	0	

3	Rà soát VBQPPL		Theo kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 21/12/2017 thời gian kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2018, thời gian báo cáo đến ngày 31/01/2019
-	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	2	Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP
-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát	2	Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát		
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý		



Biểu mẫu 3B

Thống kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại Sở Giao thông vận tải

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có	Kế hoạch số 02/KH-SGTVT ngày 04/01/2018
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC[1]	91/91	
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử[2]	91/91	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	0	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	0	



Biểu mẫu 4B

**Thông kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết
Sở Giao thông vận tải**

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
1	Sở Giao thông vận tải	91	3	3	0	91	0	0	0	Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 04/10/2018 công bố ban hành TTHC mới của Sở GTVT



Biểu mẫu 5B
Thống kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính
cho người dân, doanh nghiệp sở Giao thông vận tải

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết				
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn[1]	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn[2]		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)	
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan tỉnh											
	Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng	20666	629	20037	20238	20238	0	428	428	0		

Ghi chú: Trên phần mềm một cửa điện tử của Sở có thể hiện hồ sơ trễ hạn và quá hạn là 06 hồ sơ, nguyên nhân do mới sử dụng phần mềm một cửa điện tử nên bộ phận chuyên môn vẫn còn lúng túng và chưa quen với thao tác, khi hồ sơ hoàn thành đã không thực hiện thao tác kết thúc hồ sơ, thực tế hồ sơ đã giải quyết và trả kết quả đúng hạn được thể hiện qua phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc đảm bảo thời gian theo đúng quy định (Đính kèm phiếu theo dõi)



Biểu mẫu 6B

Biểu mẫu số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại sở Giao thông vận tải

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng không chuyên môn/đơn vị trực thuộc [1]						Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tình giảm biên chế		Ghi chú	
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[2]		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[3]		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giảm		
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn[4]			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn[5]						
1	Các cơ quan tính																
1	Sở Giao thông vận tải	8	0	3	0	0	0	15	0	1 (bổ nhiệm lại)	0	54	-1	0	0		Số lượng biên chế giảm 1 do nghỉ hưu

Biểu mẫu 8B
Thông kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức,
Vận tải công vụ tại Sở Giao thông vận tải



STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	1	Sở Giao thông vận tải
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	1	Ban điều hành Bến xe khách Sóc Trăng
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1	Ban điều hành Bến xe khách Sóc Trăng đã phê duyệt đề án vị trí việc làm của đơn vị
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1	Ban điều hành Bến xe khách Sóc Trăng

Biểu mẫu 9B

Thông kê số liệu về cải cách tài chính công tại sở Giao thông vận tải



STT	Nội dung thông kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	2	0	2/2 đơn vị (Văn Phòng Sở GTVT và Thanh tra Sở GTVT)
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.	1		
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư			
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	1	0	1/1 đơn vị Ban điều hành Bến xe khách
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên			
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên			



Biểu mẫu 10B

Thống kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại các sở Giao thông vận tải

STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4			Ghi chú			
		Tổng số văn bản đi	Trong đó		Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận		Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận					
			Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử		Số văn bản phát hành VB giấy + điện tử	Tổng số		Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính
<i>I</i>	<i>Cơ quan cấp tỉnh</i>													
	<i>Sở Giao thông vận tải</i>	1970	1902	0	68	01	5971	5884	87	14	1419	0	1419	



Biểu mẫu 11B

Thống kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ công ích (BCCI) tại Sở Giao thông vận tải

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
I	Cơ quan cấp tỉnh				
	Sở Giao thông vận tải	91	3	3	

Biểu mẫu 13B
Thông tin số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng
theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008 tại sở Giao thông vận tải

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
II	Duy trì, cải tiến hệ thống		
1	Thực hiện công bố lại ISO	Có (Công bố HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 ngày hiệu lực 7/9/2018)	
2	Thực hiện đánh giá nội bộ	Có	
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có	
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	Có	
5	Nội dung khác		



Biểu mẫu 14
Thống kê tình hình tiếp nhận và giải quyết
đơn thư khiếu nại, tố cáo

STT	Nội dung thống kê	Số lượng				Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	Ghi chú[1]
		Tiếp nhận						
		Tổng	Thuộc thẩm quyền	<u>Không thuộc thẩm quyền giải quyết[2]</u>				
I	Cấp tỉnh							
	Sở Giao thông vận tải	5	3	2	3			